

Số: 49 /2024/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng.

2. Các quy định khác về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lâm Đồng, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp được nhà nước giao quản lý tài sản cố định không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp).

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình và danh mục tài sản cố định đặc thù tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC, các nội dung tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán, theo dõi và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc/Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *ml*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Như Điều 5;
- LĐVP;
- Sở Tư pháp;
- Kho Bạc Nhà nước tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh; Báo Lâm Đồng;
- Trung tâm Tích hợp dữ liệu và Chuyển đổi số tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, TH₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Hồng Thái



Phụ lục I

DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Danh mục tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
Loại 1	Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả		
1	Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác	50	2
2	Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác	50	2
3	Tác phẩm báo chí	50	2
4	Tác phẩm âm nhạc	50	2
5	Tác phẩm sân khấu	50	2
6	Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự	50	2
7	Tác phẩm mỹ thuật	50	2
8	Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng	50	2
9	Tác phẩm nhiếp ảnh	50	2
10	Tác phẩm kiến trúc	50	2
11	Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ	50	2
12	Tác phẩm văn học, nghệ thuật	50	2
13	Quyền tác giả khác	50	2
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
2	Giải pháp hữu ích	10	10
3	Kiểu dáng công nghiệp	10	10
4	Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
5	Nhãn hiệu, tên thương mại	10	10

STT	Danh mục tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10	10
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
Loại 4	Nhóm phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm ứng dụng cơ bản	5	20
2	Phần mềm ứng dụng đa ngành	5	20
3	Phần mềm ứng dụng chuyên ngành	5	20
4	Phần mềm ứng dụng cho cá nhân, gia đình	5	20
5	Phần mềm ứng dụng khác	5	20
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	25	4



Phụ lục II
DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ

(Ban hành kèm theo Quyết định số **H9** /2024/QĐ-UBND ngày **31** tháng **12** năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

STT	Danh mục
Loại 1	Di vật, cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng tỉnh, di tích
1	Nhóm hiện vật kim loại
2	Nhóm hiện vật nhựa
3	Nhóm hiện vật thủy tinh
4	Nhóm hiện vật đồ gỗ, tre, nứa
5	Nhóm hiện vật chất liệu vải
6	Nhóm hiện vật chất liệu giấy
7	Nhóm hiện vật chất liệu phim ảnh
8	Nhóm hiện vật chất liệu đồ da
9	Nhóm hiện vật chất liệu xương, sừng, ngà
10	Nhóm hiện vật chất liệu gốm, sành, sứ
11	Nhóm hiện vật chất liệu đất, gạch, đá
12	Nhóm hiện vật chất liệu bằng đồng, hữu cơ
13	Nhóm hiện vật chất liệu khác
Loại 2	Di tích, danh lam thắng cảnh cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt
Loại 3	Di tích, danh lam thắng cảnh cấp tỉnh